TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26-4-2023
"V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Trương Thành Tuấn

2/- Bà Hồ Thị Minh Tâm

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2023/TLST–HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023 về "*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu D, sinh năm: 1984 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ 1, ấp V, xã C, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Anh Trương Hoài B, sinh năm: 1976 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp Cần T, xã C, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai ngày 16/9/2022 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu D trình bày:

Về hôn nhân: Do mai mối chị và anh Trương Hoài B chung sống với nhau vào năm 1999, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang vào ngày 11/8/2009. Sau đám cưới chị về sống bên chồng, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm và vợ chồng tự thỏa thuận

viết giấy tay ly hôn và hai bên ly thân từ năm 2016 cho đến nay, nay anh B và chị đều có gia đình riêng. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mỗi người có cuộc sống riêng không thể hàn gắn lại được, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trương Hoài B.

Về con chung: Chị và anh Bcó 02 con chung tên Trương Thị Cẩm N, sinh ngày 01/6/2003 và Trương Văn H, sinh ngày 20/8/2007. Hiện đang sống với chị, sau khi ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Anh Trương Hoài B: Sau khi thụ lý vụ kiện Tòa án có tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng phía bị đơn đều vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn sơ thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự và tuân thủ đúng quy định pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu D; Chị D được tiếp tục nuôi 02 con chung, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Chị Nguyễn Thị Thu D phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thu D là nguyên đơn trong vụ kiện có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Trương Hoài B là bị đơn trong vụ kiện đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị Thu D và anh Trương Hoài B.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu D và anh Trương Hoài B chung sống với nhau vào năm 1999, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang vào ngày 11/8/2009. Do vậy, hôn nhân của anh, chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét về mối quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị D và anh B chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị D trình bày là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng viết giấy tay ly hôn và ly thân từ năm 2016 cho đến nay, nay anh Bvà chị đều có gia đình riêng. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mỗi người có cuộc sống riêng không thể hàn gắn lại được, nên chị yêu cầu được ly hôn với

anh Trương Hoài B. Xét thấy, thời gian ly thân từ năm 2016 cho đến nay hai bên không có thiện chí hàn gắn lại quan hệ tình cảm, hiện nay mỗi người đều có cuộc sống riêng, khả năng hàn gắn là không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Chị D và anh B có 02 con chung tên Trương Thị Cẩm N, sinh ngày 01/6/2003 và Trương Văn H, sinh ngày 20/8/2007. Hiện đang sống với chị, sau khi ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy từ khi ly thân đến nay 02 cháu Cẩm N và H sống với chị D cuộc sống đã ổn định, tại bản trình bày ý kiến ngày 29/3/2023 cả hai cháu N và H đều có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó nghĩ nên để chị D được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là hoàn toàn phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị D không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung:không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Nguyễn Thị Thu D phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 51,53,56,81,82,83,84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 35, 147,227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu D.

Chị Nguyễn Thị Thu D được ly hôn với anh Trương Hoài B. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 189/KH ngày 11/8/2009 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu D được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên tên Trương Thị Cẩm N, sinh ngày 01/6/2003 và Trương Văn H sinh ngày 20/8/2007, anh Trương Hoài B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền tới lui, thăm nom con chung cho anh Bon, không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu D phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004116 ngày 10/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Chị Nguyễn Thị Thu D và anh Trương Hoài B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự**.**

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Kim Hoa